

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 370/2026/DS-PT

Ngày: 24 - 4 - 2026

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Ông **Sỹ Danh Đạt**

Ông **Trương Vĩnh Hữu**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Mai Gia Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2026/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **839/2026/QĐ-PT** ngày **23** tháng **3** năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm: 1979; (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố M1, tỉnh Tiền Giang. (nay là khu phố P, phường M2, tỉnh Đồng Tháp)

- **Bị đơn:** Anh **Lưu Tấn T**, sinh năm: 1986; (có mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (nay là ấp B, xã C, tỉnh Đồng Tháp)

Đang chấp hành án tại Trại giam Phước Hòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Trường H**, sinh năm 1974; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố M1, tỉnh Tiền Giang.(nay là khu phố P, phường M2, tỉnh Đồng Tháp)

- *Người kháng cáo:* *Bị đơn Lưu Tấn T*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Ngày 12/11/2022, chị có cho Lưu Tấn T vay 550.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 10 ngày trả vốn và lãi (tức đến ngày 22/11/2022 trả tiền), việc vay tiền anh T có làm giấy vay tiền ghi ngày 12/11/2022. Quá hạn trả tiền nhưng anh T không trả cho chị số tiền 550.000.000 đồng. Chị có đòi anh T nhiều lần nhưng anh T không thực hiện trả vốn cũng như lãi.

Trước tháng 10/2022, anh T có vay của chị và chồng chị nhiều lần và đã thanh toán xong.

Ngày 12/11/2022 anh T tiếp tục vay số tiền trên và có ký giấy vay ngày 12/11/2022, do đến hạn anh T không trả nên chị và chồng chị có đến nhà anh T đòi nợ nhưng anh T vẫn không trả.

Do đó, chị yêu cầu anh T phải trả cho chị 550.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,666%/tháng, thời hạn tính lãi kể từ ngày 12/11/2022 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Tại phiên toà, chị M yêu cầu anh T trả số tiền vay số tiền 550.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 12/11/2022, chị rút lại yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Lưu Tấn T trình bày: Anh xác định có vay của chị M số tiền 250.000.000 đồng tuy nhiên số tiền này là vay trước đó khoảng tháng 7/2022. Anh đã trả đủ hết số tiền này cho chị M qua chuyển khoản ngân hàng vô tài khoản của chồng chị M. Chị M và chồng chị M đã đến Ngân hàng V rút toàn bộ số tiền này.

Hiện anh không còn nợ bất kỳ khoản nợ nào với chị M. Lý do anh viết giấy vay tiền vào ngày 12/11/2022 là do chị M và chồng xuống nhà đập phá và ép anh ghi thông tin cá nhân lên giấy vay tiền. Anh chỉ ghi thông tin cá nhân, còn nội dung khác cũng như chữ ký bên vay anh không biết ai thực hiện. Việc chị M và những người có liên quan đập phá tài sản ép buộc anh viết giấy vay tiền, hồ sơ hiện tại ở Công an huyện C đã thụ lý.

Về kết luận giám định, anh không đồng ý vì anh không có ký tên vào giấy vay tiền ngày 12/11/2022. Anh yêu cầu giám định chữ ký, ngày vay tiền, thời hạn tại mục 3 vì không phải do anh viết và ký. Trong biên nhận giấy vay tiền tại mục thông tin bên vay, số tiền vay và tên của anh dưới mục bên vay là anh viết. Về quan hệ vay giữa anh và chị M đã kết thúc vào cuối tháng 8/2022. Biên nhận (giấy vay tiền) là mẫu sẵn ở nhà anh ghi sẵn để khi nào cần thiết anh đi vay là anh sử dụng. Nếu anh có vay thì chính anh là người ghi hết nội dung từ trên xuống dưới. Lý do chị M có giấy vay tiền này là do chị M và một số người xuống nhà anh đập phá.

Anh không đồng ý trả số tiền 550.000.000 đồng mà chị M yêu cầu vì anh không có nhận tiền và không có ký tên.

Tại phiên toà, anh không thừa nhận có vay số tiền này và không có ký tên trong giấy vay tiền ngày 12/11/2022, anh không đồng ý kết luận giám định, yêu cầu giám định lại chữ ký và tuổi mực.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trường H trình bày:

Anh là chồng của chị M. Khoảng năm 2022, qua người giới thiệu trong tháng tám trong các lần mượn thì anh T có nhờ trả vào tài khoản của anh 300.000.000 đồng ngày 31/8/2022. Lần mượn kế tiếp vợ anh có nói anh chuyển khoản vào tài khoản của T 300.000.000 đồng vào ngày 01/9/2022. Sau đó những lần giao dịch của vợ anh và anh T thì anh không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 184/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao -Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp - Bộ T2 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M.

- Buộc anh Lưu Tấn T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc M 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của chị Nguyễn Thị Ngọc M.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, bị đơn Lưu Tấn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

oTại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Anh Tài kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án sơ thẩm đã vi phạm tố tụng, không tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh T đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của tòa án sơ thẩm cho anh T. Căn cứ vào các kết luận giám định có trong hồ sơ là kết luận giám định số 1818 và kết luận giám định số 463 của Cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Anh T kháng cáo cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo qui định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trường H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo qui định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi số tiền vay 550.000.000đồng. Nguyên đơn chứng minh bằng tờ giấy vay tiền ghi ngày 12/11/2022 với số tiền vay là 550.000.000đồng, thời hạn vay 10 ngày (từ ngày 12 đến ngày 22). Bị đơn thì không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày khiếu nại nhiều vấn đề, lúc thì cho rằng không ký tên, lúc thì cho rằng viết sẵn biên nhận để ở nhà bị nguyên đơn vào lấy, lúc thì cho rằng vay tiền vào tháng 8/2022 với số tiền 300.0000.000đồng đã trả xong. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn nhận thấy:

[3.1] Trước hết, bị đơn đề nghị hủy án cho rằng tòa án sơ thẩm không tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tài liệu chứng cứ kèm theo cho bị đơn. Căn cứ biên bản làm việc ngày 09/5/2024 của Tòa án sơ thẩm đã thể hiện bị đơn đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án sơ thẩm tổng đạt. Tại bản tự khai, tường trình ghi ngày 04/8/2023 của bị đơn đã thể hiện nhận được không báo thụ lý vụ án về việc bà M khởi kiện đòi 550.00.000đồng. Bị đơn Lưu Tấn T hiện là bị án đang chấp hành án phạt tù (án tuyên 14 năm tù), các biên bản làm việc của Tòa án sơ thẩm và tờ tự khai của bị đơn đều có xác nhận của Cơ quan điều tra và giám thị trại tạm giam Công an tỉnh T, nên được xem là hợp lệ. Tại biên bản phiên tòa ngày 27/8/2025 (bút lục 96), sau đó phiên tòa tạm ngừng do bị đơn có yêu cầu giám định lại chữ ký. Sau khi có kết quả giám định lần 2 thì Tòa án sơ thẩm mở lại phiên tòa vào ngày 19/9/2025 thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã phổ biến đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các đương sự tại phiên tòa thì các đương sự đều thống nhất không có ý kiến gì. Nay bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm vi phạm tố tụng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[3.2] Đối với đơn yêu cầu giám định các vấn đề như sau :

-Trên hợp đồng có bị tẩy xóa, sửa chữa không?

-Mẫu giấy in trên hợp đồng có cùng màu mực in ra hay không;

-Chữ viết trên hợp đồng có cùng một người viết ra hay không?

-Ngày tháng năm sinh trên hợp đồng có cùng ngày tháng năm sinh của phạm nhân có cùng một người hay không?;

-Giám định chữ ký, nét chữ ký gốc so với nét chữ chữ ký trên hợp đồng tranh chấp có mấy nét đi lên “vì trên hợp đồng tranh chấp có hai nét ký tên đi lên” và cùng màu mực , tuổi mực ký ra hay không?

-Trên hợp đồng tranh chấp có cùng một người viết ra hay không?;

-Ngày tháng năm trên hợp đồng có cùng màu mực, tuổi mực viết ra hay không? .

Qua xem xét, đánh giá toàn bộ hồ sơ vụ án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi nguyên đơn khởi kiện chứng minh bằng tờ biên nhận ghi ngày 12/11/2022 (bút lục số 03). Xét thấy, đây là tờ giấy đánh máy vi tính thể hiện thông tin bên vay, thông tin bên cho vay, thông tin khoản vay được đánh máy sẵn và chưa trống bằng những dấu chấm để tự điền vào chỗ trống là những dấu chấm. Quá trình tòa án sơ thẩm đã thu thập chứng cứ làm rõ các vấn đề này. Cụ thể, theo nguyên đơn trình bày thông tin bên vay và thông tin khoản vay do anh T tự ký tên và ghi họ tên bên vay; Thông tin bên cho vay là do bà M tự ghi và ký tên bên cho vay. Anh T thì trình bày trước sau không thống nhất. Cụ thể như sau:

- Tại bản tự khai ngày 07/8/2023 (bút lục 17) ông T đã trình bày: “..4. Lý do tôi viết giấy vay tiền vào ngày 12 tháng 11 năm 2022 là do chị M và chồng xuống nhà đập phá và ép buộc tôi ghi thông tin cá nhân lên giấy vay tiền . Tôi chỉ ghi thông tin cá nhân cá nhân của tôi các nội dung khác cũng như (chữ ký) bên vay tôi không biết ai thực hiện..”. Để làm rõ vấn đề này bà M đã yêu cầu giám định. Tại kết luận giám định số 1814/KL-KTHS (Đ2) ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Phòng K công an tỉnh T đã kết luận “...1. Chữ ký đứng tên Lưu Tấn T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Lưu Tấn T trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký ra.

2. Chữ viết tại mục 3: “Thông tin khoản vay” có nội dung: “550.000.000; Năm trăm năm mươi triệu đồng” và chữ viết họ tên “Lưu Tấn T” dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Lưu Tấn T trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ viết tại mục 3: “Thông tin khoản vay” có nội dung: “10; 12->22” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Lưu Tấn T trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 có phải do cùng một người viết ra không.”

- Sau khi có kết luận giám định số 1814/KL-KTHS (D92), Tòa án sơ thẩm mở phiên tòa vào ngày 27/8/2025. Tại phiên tòa này anh T trình bày là “ghi sẵn giấy mượn tiền để ở nhà để khi vợ tôi ở nhà vay tiền của ai thì lấy ra, bà M vô nhà tôi lục giấy này rồi nói tôi vay tiền”. Đồng thời anh T đã đề nghị Tòa án tiếp tục giám định lại tờ giấy vay tiền tại Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại Kết luận giám định số 463/KL-KTHS ngày 13/8/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Chữ ký đứng tên Lưu Tấn T, chữ viết họ tên “Lưu Tấn T” dưới mục “Bên vay, chữ viết dưới mục “3/Thông tin khoản vay” (trừ chữ số “10; 12 => 22) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lưu Tấn T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra.”

Căn cứ vào 02 bản kết luận giám định nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận, nội dung tờ giấy vay tiền tại mục thông tin người vay tiền, số tiền vay và chữ ký tên bên vay tiền do anh T1 là người viết và ký ra. Anh T1 cho rằng bị vợ chồng bà M đến nhà ép ký tên nhưng không có căn cứ để chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án thì anh T1 luôn gây khó khăn trong quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Cho nên, các vấn đề anh T1 yêu cầu tiếp tục giám định kèm theo đơn kháng cáo là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quá trình kháng cáo anh T1 không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lưu Tấn T. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của anh T, nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ các Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lưu Tấn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 184/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M.

- Buộc anh Lưu Tấn T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc M 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của chị Nguyễn Thị Ngọc M.

4. Về án phí :

- Anh Lưu Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 26.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do anh T nộp theo biên lai thu tiền số 0007263 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

- H1 lại chị Nguyễn Thị Ngọc M 14.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026032 ngày 14/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, Đồng Tháp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt